TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do– Hạnh Pc**
Số: 04/2019/QĐST-DS	*B, ngày 16 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 222/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Kim T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà T*:

Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D(P), sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp A1, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Võ Thị T2, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn D(P) và chị Võ Thị T2 có nghĩa vụ liên đới trả bà Huỳnh Kim T số tiền 126.990.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng). Thời hạn trả kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hòa giải thành nên được giảm 50%: 3.174.750đ (Bệu một trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng), mỗi bên có nghĩa vụ chịu một nửa, cụ thể như sau:

- Anh Nguyễn Văn D(P) và chị Võ Thị T2 có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 1.587.375đ (một triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

- Bà Huỳnh Kim T có nghĩa vụ nộp số tiền 1.587.375đ (Một triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.175.000đ (Bệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0022073 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Sau khi khấu trừ, bà T còn được nhận lại số tiền 1.587.625đ (Một triệu năm trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi Cục THADS huyện B;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *Lưu.*

Nguyễn Chí Vũ